

Số: 441/2024/QĐST-HNGĐ

Nam Từ Liêm, ngày 30 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 244/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 giữa:

- **Nguyên đơn: Anh Nguyễn Vĩnh Q, sinh năm 1973.** Đăng ký HKTT: Tổ 16 phường N, quận C, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Căn hộ A chung cư T Complex, Nguyễn Tuân, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn: Chị Đoàn Thị Thanh T, sinh năm 1978.** Đăng ký HKTT: Số X ngách Y Ông Ích Khiêm, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Căn hộ X chung cư M KĐT MĐ 1, phường Cầu Diễn, quận Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn T1 sinh năm 1941. Đăng ký HKTT: Số X, tổ Y, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Cùng nơi cư trú: Số X, ngách Y, ngõ Z, Võ Chí Công, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

2. Bà Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1947. Đăng ký HKTT: Số 6, tổ 16, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Cùng nơi cư trú: Số 6, ngách 1/8, ngõ 1, Võ Chí Công, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

3. Bà Nguyễn Thị Thúy Q, sinh năm 1979. Đăng ký HKTT: Tổ X, phường N, quận C, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Số X, ngách Y, ngõ , Võ Chí Công, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của ông T1, bà T2, bà Q: ông Nguyễn Vĩnh Q, sinh năm 1973 (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 10532.7; Quyền số

01/2024TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/7/2024 tại Văn phòng Công chứng Trần Quang Sang).

Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Anh Nguyễn Vĩnh Q và chị Đoàn Thị Thanh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Nguyễn Vĩnh Q và chị Đoàn Thị Thanh T không có con chung. Vì vậy Tòa án không xem xét.

2.2. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Vĩnh Q và chị Đoàn Thị Thanh T không yêu cầu Tòa giải quyết. Vì vậy Tòa án không xem xét.

2.3. Về nợ chung: Anh Nguyễn Vĩnh Q và chị Đoàn Thị Thanh T xác nhận trong thời kỳ hôn nhân có các khoản nợ chung sau:

- Anh Nguyễn Vĩnh Q và chị Đoàn Thị Thanh T nợ ông Nguyễn T1 số tiền: 520.000.000 đồng;

- Anh Nguyễn Vĩnh Q và chị Đoàn Thị Thanh T nợ bà Nguyễn Thanh T2 số tiền: 100.000.000 đồng;

- Anh Nguyễn Vĩnh Q và chị Đoàn Thị Thanh T bà Nguyễn Thị Thúy Q số tiền: 159.609.537 đồng.

Buộc anh Nguyễn Vĩnh Q có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn T1 số tiền là: 260.000.000 đồng; thanh toán cho bà Nguyễn Thanh T2 số tiền là: 50.000.000 đồng; thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thúy Q số tiền là: 79.804.768 đồng;

Buộc chị Đoàn Thị Thanh T có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn T1 số tiền là: 260.000.000 đồng; thanh toán cho bà Nguyễn Thanh T2 số tiền là: 50.000.000 đồng; thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thúy Q số tiền là: 79.804.768 đồng;

Kể từ ngày 21/9/2024, ông Nguyễn Vĩnh Q, bà Đoàn Thị Thanh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chưa trả cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Anh Nguyễn Vĩnh Q tự nguyện nộp cả 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí anh Q đã nộp theo biên lai BLTU/23 số 0009683 ngày 14/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Anh Nguyễn Vĩnh Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là: 8.796.095 (Tám triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn không trăm chín mươi lăm đồng). Chị Đoàn Thị Thanh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là:

8.796.095 (Tám triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn không trăm chín mươi lăm đồng). Anh tự nguyện chịu cả 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí anh Q đã nộp theo biên lai số 0009493 ngày 27/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thuý Quỳnh số tiền: 2.710.023 đồng (*Hai triệu bảy trăm mười nghìn không trăm hai mươi ba đồng*) tạm ứng án phí bà Q đã nộp tại biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0010000 ngày 10/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Nam Từ Liêm;
- VKSND Q. Nam Từ Liêm;
- UBND phường N, quận Cầu Giấy, Hà Nội (để ghi vào sổ hộ tịch: số 14/2021 ngày 26/01/2021) ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trung Lập